

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/DS-PT
Ngày: 09-7-2026
V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương.

Các Thẩm phán: Ông Dương Viết Hải; bà Hoàng Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2026/TLPT-DS ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị bị nguyên đơn Công ty TNHH X kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 39/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2026/QĐPT-DS ngày 24/6/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ: Số F Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Duy Đ - Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Xuân S - Phó Giám đốc Công ty; địa chỉ: Số F Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn H - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Lê Văn Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: 2 Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần P; địa chỉ: thôn M, xã P, tỉnh Quảng Trị (trước đây là xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Long Phi Như Ý - Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Doãn Thị Thu C; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH X và Công ty Cổ phần P ký Hợp đồng kinh tế số 07/2014/HĐKT/PVC IMICO QB - THANH NAM ngày 01/4/2014 về việc khai thác đất phủ và mỏ đá của Công ty P, thời gian 36 tháng, khối lượng khai thác 1.300.000 m³. Nội dung hợp đồng là Công ty P giao cho Công ty X thi công bóc đất tầng phủ và khai thác chế biến đá mỏ đá Khe Lau tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt. Công ty X đã chuẩn bị nhân sự, tập kết vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng, đặc biệt là dàn máy xay nghiền đá, xây dựng 100m² nhà xưởng bằng khung sắt lợp tôn. Đã tiến hành sản xuất ra sản phẩm đá theo yêu cầu của Hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, do Công ty P vi phạm nghĩa vụ nên Công ty X đã khởi kiện yêu cầu Công ty P bồi thường thiệt hại đối với những khoản chi phí mà phía Công ty X đã bỏ ra để thi công mỏ đá Khe Lau nhưng không bao gồm giá trị dàn máy xay đá và 100m² nhà xưởng khung sắt, mái lợp tôn. Vì khi đó dàn máy vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty X và đang trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với nhà xưởng, Công ty X bảo quản vật tư, thiết bị và dự kiến tháo dỡ khi vụ kiện được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Khoảng đầu năm 2022, Công ty X phát hiện dàn máy xay đá đã bị cắt vụn, nhà xưởng đã bị phá dỡ nên đã có đơn gửi Công an huyện Q đề nghị xử lý những người cắt dàn máy, nhà xưởng này về hành vi “cố ý làm hư hỏng hoặc hủy hoại tài sản của người khác”. Ngày 10 tháng 3 năm 2022, Công an huyện Q có Văn bản số 606/CAQT trả lời đơn. Theo đó, Công an huyện Q cho rằng “vào ngày 16 tháng 02 năm 2022, Công ty P đã tiến hành mời đại diện Ban cán sự thôn M, xã Q, nơi có mỏ đá hoạt động và người chứng kiến tiến hành kiểm kê tài sản, hiện trường tháo gỡ trạm máy nghiền, xay đá của Công ty X”.

Không đồng ý với nội dung trả lời trên, Công ty X tiếp tục có đơn yêu cầu Công an huyện Q xử lý hình sự đối với những người đã cắt nát dàn máy xay đá và tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng 100m² làm bằng khung sắt, mái lợp tôn. Sau đó, Công an huyện Q ban hành các văn bản giải quyết, trả lời Công ty X. Nội dung các văn bản này Công an huyện Q đều xác định Công ty P tháo dàn máy xay nghiền đá của Công ty X và 100m² nhà xưởng là quan hệ dân sự nên không khởi tố vụ án. Như vậy, dàn máy xay đá và 100m² nhà xưởng thuộc quyền sở hữu của Công ty X nhưng đã bị Công ty P cắt nát là trái pháp luật, xâm hại đến quyền, lợi ích và gây thiệt hại về tài sản đối với Công ty X. Trước khi bị cắt rời, hệ thống máy móc của Công ty X vẫn hoạt động bình thường, bằng chứng là Công ty X đã sản xuất ra 3000m³ đá học và 5000m³ đá dăm loại 2. Các hóa đơn, chứng từ, hợp đồng mua bán tài sản Công ty X đã nộp cho Tòa án.

Ngày 05/01/2022, Công ty Cổ phần P có văn bản số 05.01/2022/CV-IMICO gửi Công ty X trong đó đã thừa nhận trên hiện trường mỏ đá Khe L có tồn tại hai tài sản là: 01 Nhà kho diện tích khoảng 100m² và 01 giàn máy xay nghiền đá. Đồng thời yêu cầu công ty X di dời tài sản ra khỏi công trường. Ngày 14/01/2022, Công ty X có công văn số 06/2022/CV trả lời Công ty P yêu cầu giữ nguyên hiện trạng tài sản thuộc sở hữu của Công ty X bao gồm thiết bị máy móc,

dây chuyền sản xuất đá, nhà xưởng, kho bãi và khai trình của mỏ đá. Hiện tại Công ty X cũng không rõ dàn máy xay, 100m² nhà xưởng nằm ở đâu.

Ngày 23/8/2023, Công ty X đã tiến hành lập Vi Bằng ghi nhận hiện trạng những thiệt hại do hành vi hủy hoại tài sản của Công ty P đối với các tài sản của Công ty X. Theo ghi nhận tại hiện trường thì ngoài giàn máy xay nghiền đá và 100m² nhà xưởng bị Công ty P cắt vụn ra thì tài sản của Công ty X còn bị hư hỏng bao gồm: 01 gầu máy đào (Bao gồm cả răng gầu); 01 máy nén khí. Công ty X khởi kiện bổ sung, đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty P bồi thường thêm giá trị tài sản bị thiệt hại. Tổng giá trị khởi kiện của Công ty X yêu cầu Công ty P bồi thường là 4.470.167.616 đồng, bao gồm:

- 01 dàn máy xay: 2.144.726.793 đồng; 100m² nhà xưởng: 200.000.000 đồng; 01 gầu máy đào (Bao gồm cả răng gầu), giá trị yêu cầu bồi thường theo thực tế của gầu máy đào là: 100.000.000 đồng và bộ răng gầu là 1.800.000 đồng theo hóa đơn mua hàng số 0070335 ngày 21/9/2015. Tổng giá trị gầu và răng gầu là 101.800.000 đồng; 01 máy nén khí, giá trị yêu cầu bồi thường: 310.000.000 đồng theo hóa đơn số: 0074075 ngày 06/10/2009.

- Chi phí lãi vay cho phần giá trị tài sản bị hủy hoại: Giá trị đề nghị tính lãi là toàn bộ giá trị tài sản của Công ty X đã bị Công ty P làm hư hỏng là: 2.756.526.793 đồng; Thời điểm tính lãi: Từ ngày Công ty P cắt bỏ tài sản của Công ty X là ngày 16/02/2022 theo Biên bản kiểm tra hiện trường của Công ty P đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Công ty P trả tiền cho Công ty X. Công ty X tạm tính đến ngày 07/4/2026. Lãi suất: 10%/năm, nhân với lãi suất quá hạn 150%. Tổng tiền lãi tính đến ngày 07/4/2026 là 1.713.640.823 đồng.

- Chi phí đi lại, ăn ở cho cán bộ, nhân viên Công ty X để tham gia vụ kiện kể từ thời điểm có Giấy triệu tập lần đầu của cơ quan Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch cho đến khi vụ án được tuyên án. Tại phiên toà, phía nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết mà rút đối với yêu cầu này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ và căn cứ các quy định của pháp luật để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Ngày 01/4/2014, Công ty X và Công ty P ký Hợp đồng kinh tế số 07/2014/HĐKT/PVC IMICO QB - THANH NAM, về việc khai thác đất phủ và mỏ đá của Công ty P, thời gian 36 tháng, khối lượng khai thác 1.300.000 m³. Thực hiện theo Hợp đồng, Công ty P đã nhiều lần yêu cầu Công ty X thực hiện việc khai thác nhưng Công ty X không thực hiện như Hợp đồng mà hai bên đã ký kết (Hệ thống giàn máy của Công ty X đưa vào hoạt động từ tháng 8/2014 đến khoảng tháng 10/2014 thì không hoạt động, sản xuất nữa).

Do một thời gian dài Công ty X không khai thác, cung cấp vật liệu để Công ty P bàn giao cho đối tác nên năm 2022, Công ty P có văn bản đề nghị Công ty X chuyển tài sản ra khỏi khu vực mỏ đá của Công ty P nhưng Công ty X không thực hiện nên Công ty P đã báo cáo UBND xã Q đề nghị giúp đỡ tháo dỡ, di chuyển tài sản ra khỏi mặt bằng, phạm vi mỏ đá Khe Lau. Trước khi di chuyển tài sản, máy móc, nhà xưởng Công ty P cũng đã tiến hành lập biên bản hiện trạng dưới sự chứng kiến của thôn, đại diện Công ty X, người dân địa phương, toàn bộ tài sản đã hư hỏng, rỉ sét không còn giá trị sử dụng. Sau khi kiểm tra hiện trạng Công ty

P đã tháo dỡ máy móc, nhà xưởng và tập kết tại kho bãi của Công ty P. Do vậy, Công ty X yêu cầu Công ty P bồi thường 4.470.167.616 đồng Công ty P không đồng ý.

Ngoài ra, năm 2020, bà Nguyễn Thị S1 nhận chuyển nhượng từ các cổ đông cũ (liên quan đến ký kết Hợp đồng số 07/2014). Đến ngày 30/11/2023, ông Vũ Ngọc L1 nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị S1 và thay đổi pháp nhân từ bà Phan Thị T. Sau khi nhận chuyển nhượng lại cổ phần đã có thông báo đến các đối tác hợp tác kinh doanh từ các hợp đồng của các đối tác đã ký kết với bà Nguyễn Thị T1 đến nhận lại thiết bị, tài sản. Các đối tác đã đến nhận và di chuyển ra khỏi công trường. Công ty P đã thay đổi Cổ đông. Công ty P hiện tại do ông Vũ Ngọc L1 làm Giám đốc không liên quan vì quá trình bàn giao tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa Công ty P cũ do bà Nguyễn Thị S1 làm Chủ tịch HĐQT và Công ty P hiện tại do ông Vũ Ngọc L1 làm Giám đốc không bàn giao các tài sản của Công ty X. Công ty P cũ do bà Nguyễn Thị S1 làm Chủ tịch HĐQT là đơn vị đã tháo dỡ, di dời tài sản của Công ty X.

Công ty X là người có lỗi trong việc không di dời tài sản vì Công ty X đã vi phạm hợp đồng về khai thác đá ký kết. Công ty P không có lỗi bởi vì trước khi tháo dỡ, di dời tài sản, Công ty P đã ban hành nhiều văn bản, công văn cho Công ty X về việc yêu cầu Công ty X tự di dời các tài sản ra khỏi mặt bằng mỏ đá Khe Lau nhưng Công ty X vẫn không thực hiện. Nên Công ty P thời điểm bà Nguyễn Thị S1 làm Chủ tịch HĐQT đã lập biên bản kiểm tra hiện trường các tài sản không có chủ, có sự chứng kiến của Bảo vệ Công ty X và Trưởng thôn, đã di dời ra khỏi diện tích mặt bằng mỏ đá. Quá trình di dời tài sản do một số thiết bị được lắp ráp nguyên khối nên Công ty P đã tháo rời một số bộ phận để vận chuyển. Các thiết bị, máy móc vẫn nguyên giá trị, nếu bị hư hỏng là do Công ty X để ngoài trời, không che chắn. Công ty P khẳng định không nhận chuyển nhượng bất kỳ tài sản cũ nào từ bà Nguyễn Thị S1 và các cổ đông cũ. Không có bất kỳ sự hợp tác nào với Công ty X. Tại dự án không có bất cứ tài sản nào của cổ đông cũ có liên quan đến Công ty X. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và đối chiếu với các quy định của pháp luật để không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 229 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X đối với bị đơn Công ty Cổ phần P về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút của nguyên đơn Công ty TNHH X về việc bồi thường, thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở cho cán bộ, nhân viên tham gia vụ kiện.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/4/2026, nguyên đơn Công ty TNHH X có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại tính đến ngày 09/7/2026 số tiền 4.572.358.518 đồng với các lý do: Công ty P đã thừa nhận công ty đã dịch chuyển tài sản của Công ty X ra khỏi khu vực mỏ đá Khe Lau và theo vi bằng xác định việc công ty X đã đến kiểm tra hiện trạng ngày phát hiện tài sản gồm dàn máy xay đá, máy nén khí, gầu máy xúc và nhà xưởng đã bị hư hỏng do bị tháo rời không còn sử dụng được. Công ty P di dời tài sản của công ty X (khi hai bên chưa thanh lý hợp đồng) dẫn đến tài sản bị mất mát, hư hỏng nên phải có trách nhiệm bồi thường.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo vì Công ty P không có trách nhiệm bảo quản tài sản cho Công ty X, trước khi di dời đã ra thông báo nhiều lần yêu cầu Công ty X di dời tài sản để trả lại mặt bằng cho công ty P nhưng vẫn không thực hiện nên buộc IMICO phải di dời. Khi di dời thì tài sản đã bị hư hỏng, rỉ sét vì các tài sản nói trên để ngoài trời không được bảo quản, không vận hành từ năm 2014 đến khi bị di dời vào tháng 11/2022. Công ty X không áp dụng các biện pháp để bảo quản tài sản của mình nên dẫn đến hư hỏng, mất mát, không phải lỗi của công ty P nên công ty không có trách nhiệm phải bồi thường.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét đánh giá chứng cứ một cách toàn diện, khách quan, không căn cứ kết quả tranh tụng để tuyên án làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu buộc Công ty Cổ phần P phải bồi thường thiệt hại do hành vi tháo dỡ làm hư hỏng tài sản của công ty X, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 01/4/2014, Công ty TNHH X và Công ty Cổ phần P ký Hợp đồng kinh tế số 07/2014/HĐKT/PVC IMICO QB - THANH NAM về việc khai thác đất phủ và mỏ đá của Công ty P, thời gian 36 tháng, khối lượng khai thác 1.300.000

m³. Nội dung hợp đồng là Công ty P giao cho Công ty X thi công bóc đất tầng phủ và khai thác chế biến đá tại mỏ đá Khe Lau tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (cũ) theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt. Hợp đồng được lập thành văn bản, nội dung thoả thuận không trái quy định của pháp luật, các bên chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự tham gia quan hệ dân sự do đó hợp đồng có hiệu lực từ thời điểm giao kết, phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết hợp đồng.

Thời gian đầu, Công ty TNHH X tiến hành khai thác và đưa vào hoạt động tuy nhiên chỉ hoạt động từ tháng 08/2014 đến tháng 10/2014 thì không khai thác, sản xuất nữa. Năm 2021, hai bên xảy ra tranh chấp, Công ty X yêu cầu bồi thường các thiệt hại do chấm dứt hợp đồng. Tại bản án số 06/2023/KDTM-PT ngày 24/8/2023 xác định lỗi trong việc chấm dứt hợp đồng do Công ty X khai thác không đảm đúng tiến độ khai thác và bàn giao thành phẩm sau ngày 20/6/2014 theo điều khoản hợp đồng hai bên đã ký kết nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty X buộc Công ty P thanh toán tiền đá thành phẩm mà Công ty X đã khai thác.

Ngày 15/11/2020, ngày 05/01/2022 và ngày 15/02/2022, Công ty P đã có văn bản yêu cầu Công ty X di dời máy móc, thiết bị ra khỏi mặt bằng mỏ đá Khe L để trả lại mặt bằng cho Công ty P. Công ty X thừa nhận đã nhận được những thông báo nói trên và ngày 14/01/2022 có văn bản đề nghị Công ty P không được tháo dỡ cho đến khi giải quyết tranh chấp xong. Công ty P trình bày không nhận được văn bản này. Theo tra cứu định vị báo phát và lời trình bày của Công ty X thì Công ty X gửi theo địa chỉ của ông Vũ Trung K – là người đại diện theo ủy quyền của Công ty P trong vụ án tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản. Từ trước đến nay, trụ sở Công ty P không thay đổi. Như vậy, việc gửi văn bản của Công ty X cho Công ty P là không hợp lệ dẫn đến công ty P không nhận được thông tin.

Theo điểm 10.3 của hợp đồng số 07/2014/HĐKT/PVC IMICO QB - THANH NAM có ghi “Trong trường hợp bên B (Công ty X) không đủ năng lực khai thác theo tiến độ, khối lượng...thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên A (Công ty P) có thông báo, bên B phải di chuyển máy móc, thiết bị ra khỏi công trường để bên A chủ động khai thác mời các đơn vị khác khai thác”. Sau khi thông báo cho phía công ty X di dời tài sản nhưng Công ty X vẫn không di dời nên việc Công ty P dịch chuyển tài sản ra để giải phóng mặt bằng là chính đáng. Dàn máy xay được kết cấu gồm nhiều bộ phận khác nhau nên khi dịch chuyển phải tháo rời từng bộ phận. Công ty X biết Công ty P dịch chuyển tài sản của mình ra khỏi mỏ đá nhưng đã không áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo quản tài sản của mình. Hơn nữa, theo biên bản mô tả tài sản trước khi di dời có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và người bảo vệ tài sản của công ty X thì tài sản để ngoài trời từ năm 2014 đến năm 2022 không bảo quản, không vận hành đã bị rỉ sét, hư hỏng trước khi dịch chuyển. Những thiệt hại xảy ra không phải do việc dịch chuyển tài sản của Công ty P gây ra. Vì vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của công ty X về việc buộc công ty P bồi thường thiệt hại là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị.

[2]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 229 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, khoản 5 Điều 585, Điều 588 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH X: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2026/DS-ST ngày 07/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Trị.

2. Về án phí Dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001592 ngày 29/4/2026 của Phòng thi hành án Dân sự khu vực 3 - Quảng Trị.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 3 – Quảng Trị;
- Phòng THADS khu vực 3 - Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Thị Hải Dương